

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 109/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Giao biên chế công chức; phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập và biên chế Hội trên địa bàn tỉnh năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước của các cơ quan hành chính Nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2022;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 266/TTr-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao biên chế công chức năm 2022; phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập và biên chế Hội năm 2022; cụ thể như sau:

1. Đối với biên chế công chức: giao 1.654 biên chế.

(Cụ thể theo Phụ lục đính kèm).

Trường hợp điều chuyển biên chế giữa các đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi thực hiện và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Đối với tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo hoàn toàn chi thường xuyên: Phê duyệt 11.763 biên chế trong đó:

- Ngành Giáo dục và Đào tạo: 9.169 biên chế;
- Ngành Y tế: 1.699 biên chế;
- Ngành Văn hóa - Thể thao: 350 biên chế;
- Sự nghiệp khác: 529 biên chế;
- Dự phòng trong trường hợp phát sinh công việc cấp bách, đột xuất hoặc để thực hiện công tác cán bộ theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền: 16 biên chế.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao, điều chỉnh cụ thể số lượng người làm việc đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập trong phạm vi ngành, lĩnh vực. Trường hợp điều chỉnh làm thay đổi tổng số lượng người làm việc của ngành, lĩnh vực hoặc cần thiết sử dụng số lượng người làm việc dự phòng cần có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Trong thời gian đến, Trung ương quyết định giao, điều chỉnh biên chế sự nghiệp năm 2022 của tỉnh Ninh Thuận, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp gần nhất.

3. Đối với biên chế Hội: phê duyệt 89 biên chế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa XI Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hậu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC

Phân bổ biên chế hành chính năm 2022

*(Kèm theo Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế giao năm 2021	Điều chỉnh tăng/ giảm năm 2022 so với năm 2021	Chỉ tiêu biên chế giao năm 2022
	TỔNG CỘNG (I+II)	1,654	0	1,654
I	CẤP TỈNH	1,083	0	1,083
1	Thường trực HĐND tỉnh và các Ban chuyên trách	10		10
2	Lãnh đạo UBND tỉnh	4		4
3	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	22		22
4	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	52	0	52
4.1	<i>Cơ quan Văn phòng</i>	47		47
4.2	<i>Trung tâm Phục vụ Hành chính công</i>	5		5
5	Sở Nội vụ	52	-1	51
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	265	0	265
6.1	<i>Cơ quan Sở</i>	49		49
6.2	<i>Chi cục Kiểm lâm</i>	124		124
6.3	<i>Chi cục Thủy lợi</i>	14		14
6.4	<i>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>	13		13
6.5	<i>Chi cục Phát triển nông thôn</i>	13		13
6.6	<i>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</i>	15		15
6.7	<i>Chi cục Thủy sản</i>	25		25
6.8	<i>Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản</i>	12		12
7	Sở Tư pháp	29		29
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	46		46
9	Sở Tài chính	42		42
10	Sở Công Thương	33		33
11	Sở Giao thông vận tải	51	0	51
11.1	<i>Cơ quan Sở</i>	26		26
11.2	<i>Thanh tra giao thông vận tải</i>	25		25
12	Sở Xây dựng	53	0	53
12.1	<i>Cơ quan Sở</i>	37		37
12.2	<i>Thanh tra Sở Xây dựng</i>	16		16
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	56	0	56

13.1	<i>Cơ quan Sở</i>	44		44
13.2	<i>Chi cục Bảo vệ môi trường</i>	12		12
14	Sở Thông tin và Truyền thông	21	+1	22
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	47		47
16	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	42		42
17	Sở Khoa học và Công nghệ	33	0	33
17.1	<i>Cơ quan Sở</i>	21		21
17.2	<i>Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng</i>	12		12
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	50		50
19	Sở Y tế	60	0	60
19.1	<i>Cơ quan Sở</i>	36		36
19.2	<i>Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình</i>	12		12
19.3	<i>Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm</i>	12		12
20	Ban Dân tộc	15		15
21	Thanh tra tỉnh	31		31
22	Ban Quản lý các khu công nghiệp	16		16
23	Văn phòng Thường trực Ban An toàn giao thông	3		3
24	Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia Núi Chúa (trực thuộc Ban quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa)	31		31
25	Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia Phước Bình (trực thuộc Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình)	19		19
II	CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ	571	0	571
1	UBND huyện Bác Ái	79		79
2	UBND huyện Ninh Phước	84		84
3	UBND huyện Ninh Sơn	79		79
4	UBND huyện Thuận Bắc	78		78
5	UBND thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	87		87
6	UBND Huyện Ninh Hải	85		85
7	UBND Huyện Thuận Nam	79		79